

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN 30/06/2016

Tháng 8 năm 2016

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12/03/2016)
Ông Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 11/03/2016)
Ông Đỗ Văn Trắc	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Trí Cường	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12/03/2016)
Ông Đỗ Thanh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11/03/2016)
Ông Trần Đình Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11/03/2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Anh Vương	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/05/2016)
Ông Đỗ Văn Trắc	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/04/2016)
Ông Nguyễn Văn Kiều	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/04/2016)
Ông Đỗ Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/04/2016)
Ông Hà Hoàng Thế Quang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/04/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Trần Anh Vương
Tổng Giám đốc
Tp. HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Số: 088 /VACO/BCSX.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016, từ trang 04 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù hợp nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc tới thuyết minh số 6 – “Các khoản đầu tư tài chính”, theo đó giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ đang được trình bày theo giá gốc tại ngày 30/06/2016 do tại ngày lập báo cáo, Ban Tổng Giám đốc chưa có đủ thông tin để xác định được một cách đáng tin cậy lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư.

Ngoài ra, như trình bày tại thuyết minh số 9 – “Phải thu khác”, Công ty đã chuyển cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng tiền ký quỹ về việc thực hiện dự án đầu tư vào khu vực hồ Tuyên Lâm theo công văn 3210/UBND-TH ngày 17/5/2007. Số tiền này sẽ được trừ vào tiền thuê đất, giao đất, chi trả bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, phần còn lại sẽ cho UBND tỉnh Lâm Đồng vay theo thời hạn 3 - 5 năm, nhưng hai bên chưa hoàn tất thủ tục quyết toán, do đó chưa xác định được một cách đáng tin cậy giá trị quyền sử dụng đất nên chưa thể ghi nhận tài sản cố định vô hình theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt nam số 04 – “Tài sản cố định vô hình”. Vì vậy, Công ty đang theo dõi trên chỉ tiêu phải thu dài hạn khác. Sau khi hoàn tất thủ tục quyết toán với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng, Công ty sẽ chuyển giá trị quyết toán sang Tài sản cố định vô hình và tính khấu hao tương ứng.



Nguyễn Đức Tiên
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN - ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
				(Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.283.424.871.778	1.797.265.594.499
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	134.189.196.139	91.323.013.379
1. Tiền	111		79.789.196.139	54.234.415.578
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.400.000.000	37.088.597.801
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	7.552.096.084	11.254.484.084
1. Chứng khoán kinh doanh	121		13.052.210.147	18.307.878.147
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(5.500.114.063)	(7.703.394.063)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	650.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		526.632.813.163	745.558.872.943
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	451.017.664.943	693.244.235.707
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	20.912.583.813	37.815.539.809
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	54.702.564.407	14.499.097.427
IV. Hàng tồn kho	140	10	568.249.208.053	891.682.295.316
1. Hàng tồn kho	141		571.098.422.778	898.086.842.330
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.849.214.725)	(6.404.547.014)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.801.558.339	57.446.928.777
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.344.769.191	3.362.538.475
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40.914.082.690	52.517.146.501
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	1.542.706.458	1.567.243.801
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.146.945.229.494	1.759.040.597.555
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		157.180.683.424	156.317.535.177
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	47.075.683.424	46.212.535.177
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	110.105.000.000	110.105.000.000
II. Tài sản cố định	220		917.758.482.001	662.691.315.039
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	857.998.668.639	602.382.011.575
- Nguyên giá	222		1.267.111.697.842	982.994.357.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(409.113.029.203)	(380.612.345.755)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	59.759.813.362	60.309.303.464
- Nguyên giá	228		71.188.843.116	70.929.721.116
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.429.029.754)	(10.620.417.652)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	149.333.567.395	151.155.106.693
- Nguyên giá	231		162.364.433.143	162.364.433.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.030.865.748)	(11.209.326.450)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		286.466.647.662	486.596.137.573
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	286.466.647.662	486.596.137.573
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	603.153.454.892	291.790.207.644
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		586.653.454.892	274.885.367.074
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.500.000.000	26.535.476.070
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(9.630.635.500)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33.052.394.120	10.490.295.429
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		33.052.394.120	9.308.797.873
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	1.181.497.556
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.430.370.101.272	3.556.306.192.054

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOMKhu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MÃ SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	01/01/2016	
			30/06/2016	(Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		929.548.597.841	1.093.165.110.295
I. Nợ ngắn hạn	310		861.742.090.979	1.045.142.270.955
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	110.087.290.472	158.406.225.979
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.774.024.819	3.259.201.906
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	12.889.556.231	12.605.035.155
4. Phải trả người lao động	314		5.920.053.497	14.095.250.032
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		496.643.071	727.171.821
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	13.343.938.587	856.015.878
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	30.523.123.630	29.446.497.337
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	667.920.982.980	823.432.471.653
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.786.477.692	2.314.401.194
II. Nợ dài hạn	330		67.806.506.862	48.022.839.340
1. Phải trả người bán dài hạn	331		18.019.008.000	18.090.240.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		3.277.109.233	3.775.972.780
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	2.806.461.885	3.456.600.682
4. Phải trả dài hạn khác	337	18	4.522.905.032	3.176.753.061
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	27.881.210.657	19.523.272.817
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		11.299.812.055	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	20	2.500.821.503.431	2.463.141.081.759
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.459.078.541.931	2.421.051.650.175
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.802.353.360.000	1.802.353.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.802.353.360.000	1.802.353.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		406.943.449.943	406.943.449.943
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		157.223.527.798	155.550.407.483
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.558.204.190	56.204.432.749
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		38.724.216.523	3.275.712.284
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53.833.987.667	52.928.720.465
II. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		41.742.961.500	42.089.431.584
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.430.370.101.272	3.556.306.192.054


Nguyễn Thanh Xuân
Người lập biểu

Đào Ngọc Quyết
Kế toán trưởng

Tp. HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

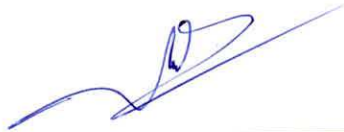
MẪU SỐ B 02a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		996.075.682.714	945.495.187.596
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.253.639.011	6.737.397.779
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	22	992.822.043.703	938.757.789.817
4. Giá vốn hàng bán	11	23	924.020.904.169	871.675.407.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		68.801.139.534	67.082.382.317
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	39.783.283.699	4.479.280.059
7. Chi phí tài chính	22	26	7.415.353.388	12.861.121.145
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	25.805.462.763	11.199.990.707
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		912.810.237	6.716.582.943
9. Chi phí bán hàng	25	27	19.179.710.943	22.668.067.799
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	20.684.649.979	23.273.755.171
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) +24 - (25 + 26)}	30		62.217.519.160	19.475.301.204
12. Thu nhập khác	31	28	2.652.604.467	117.759.960
13. Chi phí khác	32	29	3.287.858.692	6.104.805.440
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(635.254.225)	(5.987.045.480)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		61.582.264.935	13.488.255.724
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		6.633.552.083	4.617.647.345
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.666.620.666	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		53.282.092.186	8.870.608.379
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		53.833.987.667	10.156.280.425
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(551.895.481)	(1.285.672.046)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	299	56



Nguyễn Thanh Xuân
Người lập biểu



Đào Ngọc Quyết
Kế toán trưởng



Trần Anh Vương
Tổng Giám đốc

Tp. HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	61.582.264.935	13.488.255.724
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	31.979.233.790	18.255.025.170
- Các khoản dự phòng	03	(26.371.234.616)	(12.480.966.679)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	22.481.322	(83.510.313)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(37.434.980.223)	(73.179.261.177)
- Chi phí lãi vay	06	25.805.462.763	11.199.990.707
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	55.583.227.971	(42.800.466.568)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	221.272.010.243	(50.943.386.565)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	326.988.419.552	37.144.089.120
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(121.750.712.338)	39.213.189.034
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(24.320.986.393)	1.344.581.587
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	3.052.388.000	(5.834.880.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	20.234.835.516	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.229.643.764)	(647.976.586)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	650.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.989.980.491)	(10.501.107.639)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	463.839.558.296	(32.375.957.617)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(32.750.138.113)	(93.160.717.583)
2. Tiền chi cho vay	23	-	(20.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	650.000.000	21.600.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(414.375.972.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	171.722.320.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	736.446.732	70.093.730.961
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(274.017.343.381)	(21.966.986.622)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	220.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	751.837.279.676	615.963.495.649
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(898.990.830.509)	(483.548.445.099)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(66.875.580.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(146.933.550.833)	65.539.469.600
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	42.888.664.082	11.196.525.361
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	91.323.013.379	116.818.917.496
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(22.481.322)	83.510.313
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	134.189.196.139	128.098.953.170


Nguyễn Thanh Xuân
Người lập biểu
Tp. HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2016


Đào Ngọc Quyết
Kế toán trưởng



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (gọi tắt: "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo quyết định số 995/1997/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 75/1998/QĐ-TCCB ngày 07 tháng 02 năm 1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ 059162 cấp ngày 30/03/1998 và thay đổi lần thứ 21 ngày 29/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, với vốn điều lệ là 1.802.353.360.000 VND, tương đương 180.235.336 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Số cổ phần Cổ phiếu	Vốn góp VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam	39.470.231	394.702.310.000	21,90%
Ông Đỗ Văn Trắc	9.060.467	90.604.670.000	5,03%
Các cổ đông khác	131.704.638	1.317.046.380.000	73,07%
Cộng	180.235.336	1.802.353.360.000	100,00%

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SAM.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 650 người (tại ngày 31/12/2015 là 675 người).

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại, xây dựng và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp, vật liệu dân dụng, Bobin gỗ (trục gỗ dung quấn dây cáp); Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại; Cho thuê văn phòng; Đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh sân golf; Dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp***Các công ty con*

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Đồng Nai	99,40%	99,40%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyên Lâm	Lâm Đồng	99,76%	99,76%	Kinh doanh khu du lịch, sân golf
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Hồ Chí Minh	73,75%	73,75%	Cho thuê mặt bằng làm văn phòng
Công ty Cổ Phần Dây và Cáp Sacom	Đồng Nai	99,90%	99,90%	Sản xuất dây cáp

Các công ty liên kết

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ	Hồ Chí Minh	28,98%	28,98%	Kinh doanh du lịch, sân vận động
Công ty Cổ phần Bất động sản Hiệp Phú	Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường	Đồng Nai	32,54%	32,54%	Sản xuất các vật liệu điện và viễn thông
Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú	Đồng Nai	25,10%	25,10%	Sản xuất nhựa

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Riêng báo cáo tài chính kỳ này được trình bày cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến cuối kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về hực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 48
Máy móc, thiết bị	03 – 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Vườn cây lâu năm	03 – 09

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu ích ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình

Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	182.478.591	359.813.318
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	79.606.717.548	53.874.602.260
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	54.400.000.000	37.088.597.801
Cộng	<u>134.189.196.139</u>	<u>91.323.013.379</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>30/06/2016</u>			<u>01/01/2016</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh						
Tổng giá trị cổ phiếu	13.052.210.147	7.552.096.084	5.500.114.063	18.307.878.147	10.604.484.084	7.703.394.063
Công ty cổ phần chứng khoán phố Wall (WSS)	-	-	-	9.302.000.000	7.069.520.000	2.232.480.000
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển (VAF)	1.762.360.000	1.762.360.000	-	1.762.360.000	1.762.360.000	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	3.112.400.000	3.083.200.000	29.200.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà	933.932.000	933.932.000	-	-	-	-
Công ty cổ phần Alphanam (*)	7.243.518.147	1.772.604.084	5.470.914.063	7.243.518.147	1.772.604.084	5.470.914.063
Lý do thay đổi với từng loại cổ phiếu	<u>30/06/2016</u>	<u>Mua trong kỳ</u>	<u>Bán trong kỳ</u>	<u>01/01/2016</u>		
Công ty cổ phần chứng khoán phố Wall (WSS)						
+ Về số lượng	-	-	(930.200)	930.200		
+ Về giá trị	-	-	(9.302.000.000)	9.302.000.000		
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa						
+ Về số lượng	164.000	164.000	-	-		
+ Về giá trị	3.112.400.000	3.112.400.000	-	-		
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà						
+ Về số lượng	100.960	100.960	-	-		
+ Về giá trị	933.932.000	933.932.000	-	-		

(*) Giá trị khoản đầu tư chứng khoán vào Công ty Cổ phần Alphanam được trình bày theo giá trị sổ sách tại ngày Công ty Cổ phần Alphanam hủy niêm yết cổ phiếu (năm 2013).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/06/2016		01/01/16			
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
<i>Ngắn hạn</i>						
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	650.000.000	650.000.000		
	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Thay đổi tài sản thuần VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Thay đổi tài sản thuần VND	Giá trị hợp lý VND
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
c1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	620.447.877.400	(33.794.422.508)	586.653.454.892	330.208.041.850	(55.322.674.776)	274.885.367.074
Công ty Liên doanh Cấp Tàihan - Sacom (1)	-	-	-	133.736.136.450	(20.615.442.031)	113.120.694.419
Công ty CP Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ (2)	423.975.972.000	-	423.975.972.000	-	-	-
Công ty CP Nhựa Sam Phú (3)	8.281.805.400	(4.816.499.715)	3.465.305.685	8.281.805.400	(4.816.499.715)	3.465.305.685
Công ty CP Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường	12.005.100.000	10.753.918.884	22.759.018.884	12.005.100.000	9.785.471.709	21.790.571.709
Công ty CP Bất động sản Hiệp Phú	176.185.000.000	(39.731.841.677)	136.453.158.323	176.185.000.000	(39.676.204.739)	136.508.795.261

- (1) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong liên doanh này với tổng giá trị chuyển nhượng là 171.722.320.000 VND.
- (2) Khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh vào ngày 29/04/2016, tại ngày lập báo cáo, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa có đủ thông tin để xác định được một cách đáng tin cậy lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư. Do đó, tại ngày 30/06/2016, giá trị của khoản đầu tư này đang được trình bày theo giá gốc.
- (3) Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú hiện tại đã ngưng hoạt động và đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 05/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2014 của Công ty Cổ phần Sam Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
c2) Đầu tư vào đơn vị khác	16.500.000.000	16.500.000.000	-	26.535.476.070	16.904.840.570	9.630.635.500
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu Điện	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Momota	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-
Công ty TNHH Thăng Long (*)	-	-	-	9.630.635.500	-	9.630.635.500
Đầu tư khác	-	-	-	404.840.570	404.840.570	-

(*) Đây là giá trị khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thăng Long. Tại ngày 31/12/2015, Công ty đã trích dự phòng 100% giá trị khoản đầu tư do dự án kinh doanh lỗ vượt giá trị đầu tư. Trong kỳ, Công ty đã ghi giảm giá trị khoản đầu tư tương ứng với số đã trích dự phòng sau khi thỏa thuận nghĩa vụ với Công ty TNHH Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOMKhu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	451.017.664.943	693.244.235.707
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	61.088.555.022	115.442.257.707
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	86.756.644.700	292.528.156.800
Công ty Cổ phần Quốc tế Viettel	79.457.175.017	42.817.614.950
Công ty TNHH Truyền hình Cấp Saigontourist	64.968.407.595	24.189.760.923
Các khoản phải thu khách hàng khác	158.746.882.609	218.266.445.327
b) Dài hạn	47.075.683.424	46.212.535.177
Huỳnh Thị Ngọc Dung	147.940.615	3.063.344.296
Diệp Thế Quang	1.514.133.875	2.026.977.930
Các khoản phải thu khách hàng khác	45.413.608.934	41.122.212.951
Cộng	498.093.348.367	739.456.770.884

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Quản lý dự án Hồng Ngọc	10.929.495.193	7.783.891.082
LG International (H.K) Ltd.	505.092.009	10.514.548.380
RMM Metallhandel GmbH	-	1.144.212.544
Area Sistemi S.R.L.	-	2.053.445.814
Aksh Optifibre Limited	757.602.039	-
Trả trước cho người bán khác	8.720.394.572	16.319.441.989
Cộng	20.912.583.813	37.815.539.809

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	54.702.564.407	14.499.097.427
Tạm ứng	1.718.562.923	1.396.017.338
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	145.000.000	130.200.000
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	1.258.376.598	9.600.000.000
Công ty CP Đầu tư Toàn Cầu (1)	49.400.000.000	-
Phải thu phí bảo trì căn hộ chung cư	1.372.497.269	2.436.057.324
Phải thu khác	808.127.617	936.822.765
b) Dài hạn	110.105.000.000	110.105.000.000
Ký quỹ cho UBND tỉnh Lâm Đồng (2)	110.000.000.000	110.000.000.000
Ký cược, ký quỹ dài hạn khác	105.000.000	105.000.000
Cộng	164.807.564.407	124.604.097.427

- (1) Đây là khoản đặt cọc chuyển nhượng cổ phần của Công ty với Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Cầu để mua lại 4.500.000 cổ phần của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và phát triển hạ tầng An Việt.
- (2) Đây là tiền ký quỹ cho Ủy Ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc thực hiện dự án đầu tư vào khu vực hồ Tuyên Lâm theo công văn 3210/UBND-TH ngày 17/5/2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Số tiền này sẽ được trừ vào tiền thuê đất, giao đất, chi trả bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, phần còn lại sẽ cho UBND tỉnh Lâm Đồng vay theo thời hạn 3 - 5 năm. Hiện tại, Công ty vẫn chưa quyết toán được với UBND tỉnh Lâm Đồng về công tác nêu trên, do đó các chi phí liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn chưa được ghi nhận, giá trị tài sản hình thành tương ứng vẫn chưa được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	125.848.788.336	-	229.389.027.956	(4.653.143.838)
Công cụ, dụng cụ	11.460.225.343	-	30.612.528.455	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.274.342.902	-	73.452.795.765	(24.313.147)
Thành phẩm	87.125.016.703	(2.625.418.940)	169.388.845.395	(1.727.090.029)
Hàng hóa	1.499.401.485	(223.795.785)	5.001.960.382	-
Hàng hóa bất động sản	311.566.041.933	-	389.889.721.432	-
Hàng gửi bán	324.606.076	-	351.962.945	-
Cộng	571.098.422.778	(2.849.214.725)	898.086.842.330	(6.404.547.014)

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế xuất, nhập khẩu	-	24.537.343	-	24.537.343
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.542.706.458	-	-	1.542.706.458
Cộng	1.542.706.458	24.537.343	-	1.567.243.801
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	6.888.375.824	50.011.612.170	44.509.514.489	1.386.278.143
Thuế tiêu thụ đặc biệt	131.988.182	1.281.773.379	1.149.785.197	-
Thuế xuất, nhập khẩu	33.383	879.605.767	879.572.384	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.978.707.584	6.633.552.083	12.229.643.764	10.574.799.265
Thuế thu nhập cá nhân	890.451.258	3.909.880.744	3.663.098.011	643.668.525
Các loại thuế khác	-	118.124.346	118.413.568	289.222
Cộng	12.889.556.231	62.834.548.489	62.550.027.413	12.605.035.155

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình

Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	447.692.959.242	484.681.530.730	47.327.443.576	3.292.423.782	982.994.357.330
- Mua trong kỳ	467.807.900	2.324.189.853	-	-	2.791.997.753
- Đầu tư XDCB hoàn thành	268.380.327.794	11.191.255.866	2.602.158.041	-	282.173.741.701
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(588.571.429)	(118.060.400)	(706.631.829)
- Giảm khác (*)	-	-	-	(141.767.113)	(141.767.113)
Tại ngày 30/06/2016	716.541.094.936	498.196.976.449	49.341.030.188	3.032.596.269	1.267.111.697.842
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	43.347.456.358	314.777.939.044	19.550.269.987	2.936.680.366	380.612.345.755
- Khấu hao trong năm	10.736.203.949	16.196.904.456	2.327.117.458	88.856.527	29.349.082.390
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(588.571.429)	(118.060.400)	(706.631.829)
- Giảm khác	-	-	-	(141.767.113)	(141.767.113)
Tại ngày 30/06/2016	54.083.660.307	330.974.843.500	21.288.816.016	2.765.709.380	409.113.029.203
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	404.345.502.884	169.903.591.686	27.777.173.589	355.743.416	602.382.011.575
Tại ngày 30/06/2016	662.457.434.629	167.222.132.949	28.052.214.172	266.886.889	857.998.668.639

(*) Đây là khoản điều chỉnh giảm khấu hao lũy kế các năm trước đã khấu hao thừa.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 217.911.241.785 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 216.327.734.226 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	68.461.409.916	2.255.131.200	213.180.000	70.929.721.116
- Mua trong năm	-	259.122.000	-	259.122.000
Tại ngày 30/06/2016	<u>68.461.409.916</u>	<u>2.514.253.200</u>	<u>213.180.000</u>	<u>71.188.843.116</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	8.353.310.735	2.130.184.417	136.922.500	10.620.417.652
- Khấu hao trong năm	744.399.353	44.544.749	19.668.000	808.612.102
Tại ngày 30/06/2016	<u>9.097.710.088</u>	<u>2.174.729.166</u>	<u>156.590.500</u>	<u>11.429.029.754</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	<u>60.108.099.181</u>	<u>124.946.783</u>	<u>76.257.500</u>	<u>60.309.303.464</u>
Tại ngày 30/06/2016	<u>59.363.699.828</u>	<u>339.524.034</u>	<u>56.589.500</u>	<u>59.759.813.362</u>

Quyền sử dụng đất được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức với giá trị là 22.597.120.000 VND (Thuyết minh số 19).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	11.211.821.819	151.152.611.324	162.364.433.143
- Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/06/2016	<u>11.211.821.819</u>	<u>151.152.611.324</u>	<u>162.364.433.143</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	-	11.209.326.450	11.209.326.450
- Khấu hao trong năm	-	1.821.539.298	1.821.539.298
Tại ngày 30/06/2016	-	<u>13.030.865.748</u>	<u>13.030.865.748</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	<u>11.211.821.819</u>	<u>139.943.284.874</u>	<u>151.155.106.693</u>
Tại ngày 30/06/2016	<u>11.211.821.819</u>	<u>138.121.745.576</u>	<u>149.333.567.395</u>

Nhà cửa, vật kiến trúc được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức với giá trị là 138.435.185.430 VND (Thuyết minh số 19).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Mua sắm tài sản cố định	852.007.146	746.382.146
b) Xây dựng cơ bản	284.631.967.970	485.849.755.427
- Dự án KDC Bình Thắng	3.876.000.000	2.976.000.000
- Dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp	89.765.072.762	320.619.476.193
- Dự án khu dân cư Nhơn Trạch	54.527.692.279	54.528.410.224
- Dự án chung cư 147 Ung Văn Khiêm	58.135.122.824	51.860.656.702
- Dự án chung cư Samland Airport (1)	64.217.680.599	44.445.893.953
- Máy ống lồng	2.353.294.285	2.313.399.830
- Máy bọc vỏ CQ 2014	2.937.803.174	1.708.990.390
- Đầu tư thiết bị sản xuất dây điện từ	2.786.897.283	2.748.681.183
- Các công trình khác	6.032.404.764	4.648.246.952
c) Sửa chữa lớn tài sản cố định	982.672.546	-
Cộng	<u>286.466.647.662</u>	<u>486.596.137.573</u>

- (1) Dự án này được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (Thuyết minh số 19).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình

Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	110.087.290.472	110.087.290.472	158.406.225.979	158.406.225.979
Borouge Pte Ltd	17.115.210.160	17.115.210.160	2.608.491.600	2.608.491.600
Corning Incorporated, NY, USA	13.089.006.000	13.089.006.000	65.099.772.423	65.099.772.423
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	-	-	23.736.287.344	23.736.287.344
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Thương Mại Phan Lê	5.052.444.577	5.052.444.577	4.066.144.347	4.066.144.347
Công ty TNHH Thiết Kế Đầu tư Xây dựng Phú Gia	3.975.868.361	3.975.868.361	-	-
Các đối tượng khác	70.854.761.374	70.854.761.374	62.895.530.265	62.895.530.265
	18.019.008.000	18.019.008.000	18.090.240.000	18.090.240.000
b) Dài hạn				
Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao TP. HCM	18.019.008.000	18.019.008.000	18.090.240.000	18.090.240.000
Cộng	128.106.298.472	128.106.298.472	176.496.465.979	176.496.465.979

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	13.343.938.587	856.015.878
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	205.233.768	680.505.878
Doanh thu nhận trước từ bán căn hộ chung cư	12.990.836.151	-
Doanh thu thẻ hội viên golf	147.868.668	175.510.000
b) Dài hạn	2.806.461.885	3.456.600.682
Doanh thu thẻ hội viên golf	2.806.461.885	3.456.600.682
Cộng	16.150.400.472	4.312.616.560

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	30.523.123.630	29.446.497.337
Kinh phí công đoàn	206.153.891	270.158.691
Bảo hiểm xã hội	1.392.748.884	254.697.038
Bảo hiểm y tế	201.531.300	27.623.580
Bảo hiểm thất nghiệp	139.108.916	63.898.782
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.403.268.207	8.246.481.728
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.381.698.324	1.381.698.324
Thu hộ phí bảo trì chung cư SamLand	2.991.662.372	2.864.085.258
Thu hộ bảo trì chung cư Giai Việt	6.784.498.188	6.121.542.383
Thuế GTGT vãng lai ngoại tỉnh	976.206.626	2.511.652.701
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.046.246.922	7.704.658.852
b) Dài hạn	4.522.905.032	3.176.753.061
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.522.905.032	3.017.959.061
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	158.794.000
Cộng	35.046.028.662	32.623.250.398

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình

Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	667.920.982.980	667.920.982.980	743.179.341.836	(898.690.830.509)	823.432.471.653	823.432.471.653
a1) Các khoản vay ngắn hạn bên liên quan	61.883.657.371	61.883.657.371	-	-	61.883.657.371	61.883.657.371
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Hiệp Phú (1)	61.883.657.371	61.883.657.371	-	-	61.883.657.371	61.883.657.371
a2) Các khoản vay ngắn hạn đối tượng khác	603.337.325.609	603.337.325.609	740.479.341.836	(894.990.830.509)	757.848.814.282	757.848.814.282
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (2)	36.872.797.195	36.872.797.195	64.000.000.000	(27.127.202.805)	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	-	-	-	(30.887.672.095)	30.887.672.095	30.887.672.095
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	-	-	25.421.699.208	(31.896.615.942)	6.474.916.734	6.474.916.734
Ngân hàng TMCP Việt Á (3)	231.200.000.000	231.200.000.000	317.000.000.000	(85.800.000.000)	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Lâm Đồng	-	-	1.500.000.000	(1.500.000.000)	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Lâm Đồng	-	-	5.900.000.000	(5.900.000.000)	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (4)	251.315.740.724	251.315.740.724	157.378.820.543	(307.322.830.194)	401.259.750.375	401.259.750.375
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN HCM (5)	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (6)	38.948.787.690	38.948.787.690	58.849.804.495	(156.666.275.973)	136.765.259.168	136.765.259.168
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	-	40.755.999.184	(134.971.250.959)	94.215.251.775	94.215.251.775
Ngân hàng TNHH MTV ANZ	-	-	13.206.602.860	(86.452.566.995)	73.245.964.135	73.245.964.135
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	-	-	-	(15.000.000.000)	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Gia Định	-	-	11.466.415.546	(11.466.415.546)	-	-
a3) Vay dài hạn đến hạn trả	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000	(3.700.000.000)	3.700.000.000	3.700.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thủ Đức (7)	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000	(3.700.000.000)	3.700.000.000	3.700.000.000
b) Vay dài hạn	27.881.210.657	27.881.210.657	11.357.937.840	(3.000.000.000)	19.523.272.817	19.523.272.817
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thủ Đức (7)	16.523.272.817	16.523.272.817	-	(3.000.000.000)	19.523.272.817	19.523.272.817
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (8)	11.357.937.840	11.357.937.840	11.357.937.840	-	-	-
Cộng	695.802.193.637	695.802.193.637	754.537.279.676	(901.690.830.509)	842.955.744.470	842.955.744.470

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (1) Đây là khoản vay theo hợp đồng vay số 01/HP2015/SAM ngày 31/07/2015 với Công ty Cổ Phần Bất động sản Hiện Phú. Số tiền vay trên hợp đồng là: 61.883.657.371 đồng trong 12 tháng từ ngày 31/07/2015 đến ngày 31/07/2016, lãi suất 0%, không có tài sản đảm bảo.
- (2) Đây là khoản vay với Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) với tổng số tiền vay 64 tỷ trong 12 tháng. Mục đích khoản vay này dùng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay có tài sản bảo đảm là khoản phải thu liên quan đến dự án Nhà Giai Việt.
- (3) Đây là khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Á theo giấy nhận nợ số 020 – 056/16/GNN 1, 2 giải ngân ngày 7/4/2016 với lãi suất 9,5% /năm, với thời hạn vay 12 tháng.
- (4) Vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0153/KH/15NH ngày 22/6/2015, tổng hạn mức vay là 500 tỷ đồng, được dùng để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay được tính theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 9 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng: Chứng thư bảo lãnh số 140/2015/CV-SACOM của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom.
- (5) Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. TPHCM theo hợp đồng tín dụng từng lần số 0017/KH/16NH ngày 08/01/2016 mục đích để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 7,5%/năm. Tài sản đảm bảo là 15 căn hộ chung cư tại khu căn hộ Hoàng Anh River View, số 37 Nguyễn Văn Hường, P. Thảo Điền, Q.2, Tp. HCM thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần địa ốc Sacom, và khoản bảo lãnh của Công ty CP Đầu tư và phát triển Sacom.
- (6) Vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 30/2015-HĐTDHM/NHCT910-SACOM ngày 04/11/2015, tổng hạn mức vay là 150 tỷ đồng, được dùng để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay được tính theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 9 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng: Chứng thư bảo lãnh số 02/2014-HĐTTHM/NHCT910-SACOM ngày 28/10/2014, chứng thư bảo lãnh số 141/2015/CV -SACOM ngày 22/06/2015 và chứng thư bảo lãnh số 141/2015/CV-SACOM ngày 22/6/2015 và chứng thư bảo lãnh số 223/2015/CV-SACOM ngày 16/11/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom.
- (7) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thủ Đức thực hiện theo hợp đồng tín dụng số 038/043/12/0000200 ngày 06/08/2012, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Hạn mức vay 50.000.000.000 đồng. Mục đích là thanh toán chi phí đầu tư xây dựng dự án văn phòng hạng B không gian Internet - Chíp sáng. Tài sản đảm bảo bằng: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án xây dựng toà nhà Không gian Internet - Chíp sáng gồm: Quyền sử dụng đất và công trình trên đất, toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay là Máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải thuộc dự án.
- (8) Vay ngân hàng Liên Doanh Việt Nga theo HĐ tín dụng trung dài hạn số 031/2016/HĐTD ngày 16/2/2016 mục đích để đầu tư xây dựng dự án Chung cư Nguyễn Hồng (Samland Airport), lãi suất thả nổi theo quy định ngân hàng trong từng thời kì. Khoản vay này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC702668 tại địa chỉ 31A-31B-31C-31/1 đường Nguyễn Hồng, P1, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.700.000.000	3.700.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>27.881.210.657</u>	<u>19.523.272.817</u>
	30.581.210.657	23.223.272.817
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	2.700.000.000	3.700.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u><u>27.881.210.657</u></u>	<u><u>19.523.272.817</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2015	1.307.984.320.000	901.532.493.943	155.554.181.016	68.347.038.376	42.300.999.872	2.475.719.033.207
Tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần	494.369.040.000	(494.369.040.000)	-	-	-	-
Phí tăng vốn điều lệ và chi trả cổ phiếu lẻ	-	(220.004.000)	-	-	-	(220.004.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(211.689.699)	-	(211.689.699)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2014	-	-	-	(69.274.572.575)	-	(69.274.572.575)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	56.804.057.945	(2.050.035.056)	54.754.022.889
Tăng/giảm khác	-	-	(3.773.533)	(4.027.142)	1.839.407.674	1.831.606.999
Số dư tại 31/12/2015	1.802.353.360.000	406.943.449.943	155.550.407.483	55.660.806.905	42.090.372.490	2.462.598.396.821
Các khoản điều chỉnh						
Điều chỉnh hồi tố doanh thu thẻ hội viên (1)	-	-	-	(2.008.278.776)	(4.831.465)	(2.013.110.241)
Hoàn nhập khấu hao (2)	-	-	-	2.551.904.620	3.890.559	2.555.795.179
Số dư tại 01/01/2016 sau điều chỉnh	1.802.353.360.000	406.943.449.943	155.550.407.483	56.204.432.749	42.089.431.584	2.463.141.081.759
Góp vốn trong kỳ	-	-	-	-	220.000.000	220.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	53.833.987.667	(551.895.481)	53.282.092.186
Trích quỹ ĐTP từ lợi nhuận 2015	-	-	1.747.671.609	(1.735.513.658)	(12.157.951)	-
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận 2015	-	-	-	(5.384.410.922)	(2.881.269)	(5.387.292.191)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (3)	-	-	-	(10.359.613.525)	-	(10.359.613.525)
Tăng/giảm khác	-	-	(74.551.294)	(678.121)	464.617	(74.764.798)
Số dư tại 30/06/2016	1.802.353.360.000	406.943.449.943	157.223.527.798	92.558.204.190	41.742.961.500	2.500.821.503.431

- (1) Đây là doanh thu thẻ hội viên golf Công ty ghi nhận toàn bộ vào doanh thu năm 2015 thay vì ghi nhận doanh thu từng năm theo thời hạn thẻ hội viên (Thuyết minh số 17).
- (2) Hoàn nhập khấu hao tài sản cố định vô hình và tài sản cố định hữu hình không được trích khấu hao theo biên bản kiểm toán nhà nước tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai ngày 26/8/2008.
- (3) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là từ chênh lệch tạm thời phát sinh từ khoản dự phòng đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, chưa ghi nhận trong các kỳ trước, do đó được điều chỉnh trong kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 059162 cấp ngày 30/03/1998 và thay đổi lần thứ 21 ngày 29/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, với vốn điều lệ là 1.802.353.360.000 VND, trong đó có 180.235.336 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, số vốn thực góp của các cổ đông như sau:

	Tại ngày 01/01/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Vốn góp		Tỉ lệ	Vốn góp		Tỉ lệ
	Cổ phiếu	VND	%	VND	%	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại XNK HFC Việt Nam	39.470.231	394.702.310.000	21,90%	277.648.650.000	15,40%	
Ông Đỗ Văn Trắc	9.060.467	90.604.670.000	5,03%	90.604.670.000	5,03%	
Các cổ đông khác	131.704.638	1.317.046.380.000	73,07%	1.434.100.040.000	79,57%	
Cộng	180.235.336	1.802.353.360.000	100,00%	1.802.353.360.000	100,00%	

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 30/06/2016 như sau:

Cổ phiếu	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	180.235.336	180.235.336
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	180.235.336	180.235.336
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	180.235.336	180.235.336
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	180.235.336	180.235.336
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	180.235.336	180.235.336
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngoại tệ		
USD	805.871,14	8.393,67

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

22. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	873.596.245.363	812.396.155.272
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.462.050.487	22.969.730.339
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	12.467.518.455
Doanh thu kinh doanh bất động sản	87.017.386.864	97.661.783.530
	996.075.682.714	945.495.187.596
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	2.344.577.938	-
Hàng bán bị trả lại	909.061.073	6.737.397.779
	3.253.639.011	6.737.397.779
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	992.822.043.703	938.757.789.817
23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	811.781.873.617	765.110.941.271
Giá vốn cung cấp dịch vụ	36.071.935.373	17.952.673.205
Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	13.602.566.655
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	79.722.427.468	79.849.108.964
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.555.332.289)	(4.839.882.595)
Cộng	924.020.904.169	871.675.407.500
24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	628.584.897.999	683.187.963.794
Chi phí nhân công	41.932.919.676	41.789.753.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.950.278.252	24.291.881.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.362.524.605	44.212.318.020
Chi phí khác bằng tiền	13.666.210.917	17.324.243.120
Cộng	747.496.831.449	810.806.160.205
25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	648.328.732	1.772.560.118
Cổ tức, lợi nhuận được chia	88.118.000	264.354.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.060.653.417	2.407.815.391
Lãi bán các khoản đầu tư	37.986.183.550	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	34.550.550
Cộng	39.783.283.699	4.479.280.059

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	25.805.462.763	11.199.990.707
Lỗ do bán cổ phiếu	3.608.380.000	339.980.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	574.722.867	7.124.524.740
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	214.029.686	1.824.151.285
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(22.815.902.327)	(7.641.084.084)
Chi phí tài chính khác	28.660.399	13.558.497
Cộng	<u>7.415.353.388</u>	<u>12.861.121.145</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí cho nhân viên	4.206.701.616	5.117.493.129
Chi phí đồ dùng văn phòng	36.765.254	901.975.485
Chi phí khấu hao TSCĐ	70.251.600	70.251.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.038.619.639	10.035.558.561
Chi phí bằng tiền khác	8.827.372.834	6.542.789.024
Cộng	<u>19.179.710.943</u>	<u>22.668.067.799</u>
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	10.795.171.440	11.873.817.886
Chi phí đồ dùng văn phòng	782.160.537	846.563.186
Chi phí khấu hao TSCĐ	868.134.664	487.756.385
Thuế, phí và lệ phí	20.643.116	28.199.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.100.179.658	4.709.775.231
Chi phí bằng tiền khác	3.118.360.564	5.327.642.659
Cộng	<u>20.684.649.979</u>	<u>23.273.755.171</u>

28. THU NHẬP KHÁC

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	510.681.818	-
Tiền phạt thu được	1.445.994.929	-
Xử lý công nợ phải trả	527.048.204	-
Các khoản khác.	168.879.516	117.759.960
Cộng	<u>2.652.604.467</u>	<u>117.759.960</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí khấu hao tương ứng phần diện tích TSCĐ không cho thuê	2.538.019.511	3.404.181.337
Các khoản bị phạt;	686.051.672	-
Các khoản khác.	63.787.509	2.700.624.103
Cộng	3.287.858.692	6.104.805.440

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lợi nhuận phân phối cho công ty mẹ	53.833.987.667	10.156.280.425
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	53.833.987.667	10.156.280.425
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	180.235.336	180.235.336
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	299	56

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	695.802.193.637	842.955.744.470
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	134.189.196.139	91.323.013.379
Nợ thuần	561.612.997.498	751.632.731.091
Vốn chủ sở hữu	2.459.078.541.931	2.421.051.650.175
Tỉ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	22,84%	31,05%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	134.189.196.139	91.323.013.379
Phải thu khách hàng và phải thu khác	661.182.349.851	862.664.850.973
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.552.096.084	11.254.484.084
Đầu tư tài chính dài hạn	16.500.000.000	16.904.840.570
Cộng	819.423.642.074	982.147.189.006
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	695.802.193.637	842.955.744.470
Phải trả người bán và phải trả khác	161.212.784.143	208.503.338.286
Chi phí phải trả	496.643.071	727.171.821
Cộng	857.511.620.851	1.052.186.254.577

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	134.189.196.139	-	134.189.196.139
Phải thu khách hàng và phải thu khác	504.001.666.427	157.180.683.424	661.182.349.851
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.552.096.084	-	7.552.096.084
Đầu tư tài chính dài hạn	-	16.500.000.000	16.500.000.000
Cộng	645.742.958.650	173.680.683.424	819.423.642.074
Tại 30/06/2016			
Các khoản vay	667.920.982.980	27.881.210.657	695.802.193.637
Phải trả người bán và phải trả khác	138.670.871.111	22.541.913.032	161.212.784.143
Chi phí phải trả	496.643.071	-	496.643.071
Cộng	807.088.497.162	50.423.123.689	857.511.620.851
Chênh lệch thanh khoản thuần	(161.345.538.512)	123.257.559.735	(38.087.978.777)
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	91.323.013.379	-	91.323.013.379
Phải thu khách hàng và phải thu khác	706.347.315.796	156.317.535.177	862.664.850.973
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.254.484.084	-	11.254.484.084
Đầu tư tài chính dài hạn	-	16.904.840.570	16.904.840.570
Cộng	808.924.813.259	173.222.375.747	982.147.189.006
Tại 01/01/2016			
Các khoản vay	823.432.471.653	19.523.272.817	842.955.744.470
Phải trả người bán và phải trả khác	187.236.345.225	21.266.993.061	208.503.338.286
Chi phí phải trả	727.171.821	-	727.171.821
Cộng	1.011.395.988.699	40.790.265.878	1.052.186.254.577
Chênh lệch thanh khoản thuần	(202.471.175.440)	132.432.109.869	(70.039.065.571)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Danh sách các bên liên quan***Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ
 Công ty Cổ phần Sam Phú
 Công ty Cổ phần Sam Cường
 Công ty Cổ phần Bất động sản Hiệp Phú
 Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ		
Góp vốn trong kỳ	423.975.972.000	-

Ngoài số dư với các bên liên quan đã trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty không còn số dư trọng yếu nào với các bên liên quan.

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thù lao của Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Thù lao HĐQT và thu nhập Ban Tổng Giám Đốc	6.119.182.623	6.466.314.063

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Chi phí lãi vay trong phát sinh trong 6 tháng đầu năm là 25.805.462.763 VND. Đến ngày 30/06/2016, Công ty đã thanh toán lãi vay với tổng số tiền là 20.234.835.516 VND, số tiền lãi chưa thanh toán là 5.570.627.247 VND. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với lãi vay chưa thanh toán đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại và điều chỉnh hồi tố để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Điều chỉnh hồi tố	Số sau điều chỉnh	
		VND	VND	VND	VND	
Chứng khoán kinh doanh	121	11.064.360.000	7.243.518.147	-	18.307.878.147	(1)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(2.232.480.000)	(5.470.914.063)	-	(7.703.394.063)	(1)
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.411.847.921	950.690.554	-	3.362.538.475	(2)
Thuế GTGT được khấu trừ	152	51.060.611.238	-	1.456.535.263	52.517.146.501	(3)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	3.023.779.064	-	(1.456.535.263)	1.567.243.801	(3)
Tài sản cố định hữu hình					-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(382.293.712.570)	-	1.681.366.815	(380.612.345.755)	(4)
Tài sản cố định vô hình					-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(10.678.807.202)	-	58.389.550	(10.620.417.652)	(5)
Bất động sản đầu tư					-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	(11.659.746.169)	-	450.419.719	(11.209.326.450)	(5)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	33.778.994.217	(7.243.518.147)	-	26.535.476.070	(1)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(15.101.549.563)	5.470.914.063	-	(9.630.635.500)	(1)
Chi phí trả trước dài hạn	261	11.108.501.093	(950.690.554)	(849.012.666)	9.308.797.873	(2)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	455.075.420		726.422.136	1.181.497.556	(6)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	7.035.174.686	(3.775.972.780)		3.259.201.906	(7)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	614.784.321		112.387.500	727.171.821	(8)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	680.505.878		175.510.000	856.015.878	(6)
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	3.775.972.780		3.775.972.780	(7)
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-	3.456.600.682	3.456.600.682	(6)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối					-	
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	640.921.883	-	2.634.790.401	3.275.712.284	(9)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	55.019.885.022	-	(2.091.164.557)	52.928.720.465	(9)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	42.090.372.490	-	(940.906)	42.089.431.584	(9)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

- (1) Phân loại lại khoản đầu tư tài chính dài hạn sang chứng khoán kinh doanh.
- (2) Phân loại lại các khoản chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong vòng 12 tháng sang chi phí trả trước ngắn hạn.
- (3) Kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ của hàng nhập khẩu đã đủ điều kiện được khấu trừ.
- (4) Do đầu năm 2015 Công ty đã thay đổi thời gian tính khấu hao của một số tài sản, Công ty thực hiện tính toán lại và điều chỉnh lại giá trị hao mòn lũy kế theo đúng hướng dẫn tại thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.
- (5) Hoàn nhập khấu hao tài sản cố định vô hình và tài sản cố định hữu hình không được trích khấu hao theo biên bản kiểm toán nhà nước tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai ngày 26/8/2008.
- (6) Điều chỉnh doanh thu thẻ hội viên golf Công ty ghi nhận toàn bộ vào doanh thu năm 2015 thay vì ghi nhận doanh thu từng năm theo thời hạn thẻ hội viên (Thuyết minh số 17).
- (7) Phân loại lại thời hạn thanh toán của các khoản Người mua trả tiền trước.
- (8) Điều chỉnh trích trước chi phí lãi vay và chi phí thù lao HĐQT và BKS trong năm 2015.
- (9) Điều chỉnh lợi nhuận chưa phân phối năm trước và Lợi ích cổ đông không kiểm soát tương ứng với các khoản điều chỉnh nêu trên.



Nguyễn Thanh Xuân
Người Lập biểu



Đào Ngọc Quyết
Kế toán trưởng



Tp. HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2016